

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



MỤC LỤC

— oOo —

Trang

1- Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

1 - 5

2- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

6

3- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

7 - 8

4- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

9 - 25

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		286,998,082,906	263,983,739,464
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		130,324,992,073	101,151,672,245
1. Tiền	111		38,321,992,073	50,068,291,145
2. Các khoản tương đương tiền	112		92,003,000,000	51,083,381,100
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		345,000,000	345,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		345,000,000	345,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49,349,116,284	62,886,461,258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		43,056,553,628	47,119,280,848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		619,787,132	9,232,164,343
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		5,891,613,251	6,717,853,794
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(251,869,246)	(251,869,246)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		33,031,519	69,031,519
IV. Hàng tồn kho	140		104,081,075,594	97,652,694,594
1. Hàng tồn kho	141		104,324,345,563	97,895,964,563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(243,269,969)	(243,269,969)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,897,898,955	1,947,911,367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,866,026,422	988,471,206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		926,584,629	854,152,257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		105,287,904	105,287,904
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122,726,896,880	124,681,505,006
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,417,599,402	6,800,426,402
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn khác	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		5,417,599,402	6,800,426,402
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34,315,151,487	34,267,302,860
1. Tài sản cố định hữu hình	221		21,011,754,382	20,961,294,504
- Nguyên giá	222		47,292,664,999	47,453,544,922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,280,910,617)	(26,492,250,418)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,303,397,105	13,306,008,356
- Nguyên giá	228		13,682,473,347	13,682,473,347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379,076,242)	(376,464,991)
III. Bất động sản đầu tư	230		67,204,267,632	67,736,283,633
- Nguyên giá	231		75,781,699,978	75,781,699,978
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8,577,432,346)	(8,045,416,345)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8,080,800,000	8,080,800,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,080,800,000	8,080,800,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. Tài sản dài hạn khác	260	7,709,078,359	7,796,692,111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7,709,078,359	7,796,692,111
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	409,724,979,786	388,665,244,470
		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		67,397,285,608	53,094,314,980
I. Nợ ngắn hạn	310		66,313,514,608	52,010,543,980
1. Phải trả cho người bán	311		44,377,793,512	25,926,786,668
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4,176,989,630	2,942,145,728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,598,982,968	9,500,748,159
4. Phải trả người lao động	314		4,420,816,136	4,436,658,804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	699,293,216
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6,074,539,639	4,840,518,682
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,664,392,723	3,664,392,723
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,083,771,000	1,083,771,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		1,083,771,000	1,083,771,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		342,327,694,178	335,570,929,490
I. Vốn chủ sở hữu	410		342,327,694,178	335,570,929,490
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		138,013,850,000	138,013,850,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138,013,850,000	138,013,850,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,572,620,000	2,572,620,000
3. Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,206,190,840)	(2,206,190,840)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,682,346,542	17,682,346,542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139,031,283,354	131,967,201,204
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		127,094,518,666	131,967,201,204
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,936,764,688	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	422		47,233,785,122	47,541,102,584
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		409,724,979,786	388,665,244,470

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN

YUNG CAM MENG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu số B 02 - DN/IN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2015		Quý I/2014	
			Lấy kế 2015	Lấy kế 2014	Lấy kế 2015	Lấy kế 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	290,040,015,370	257,167,591,748	290,040,015,370	257,167,591,748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	245,233,906	326,950,909	245,233,906	326,950,909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		289,794,781,464	256,840,640,839	289,794,781,464	256,840,640,839
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	247,755,434,873	219,799,621,153	247,755,434,873	219,799,621,153
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42,039,346,591	37,041,019,686	42,039,346,591	37,041,019,686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	2,167,710,379	932,986,722	2,167,710,379	932,986,722
7. Chi phí tài chính	22		33,814	17,690	33,814	17,690
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL.5	19,911,409,144	16,453,477,985	19,911,409,144	16,453,477,985
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	13,715,717,988	11,240,546,649	13,715,717,988	11,240,546,649
11 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		10,579,896,024	10,279,964,084	10,579,896,024	10,279,964,084
12 Thu nhập khác	31	VL.7	1,959,968,097	409,371,129	1,959,968,097	409,371,129
13 Chi phí khác	32	VL.8	1,342,388,081	13,868,337	1,342,388,081	13,868,337
14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		617,580,016	395,502,792	617,580,016	395,502,792
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11,197,476,040	10,675,466,876	11,197,476,040	10,675,466,876
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,112,711,352	2,336,187,351	2,112,711,352	2,336,187,351
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9,084,764,688	8,339,279,525	9,084,764,688	8,339,279,525
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7,064,082,149	6,777,535,668	7,064,082,149	6,777,535,668
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,020,682,539	1,561,743,857	2,020,682,539	1,561,743,857
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	514	543	514	543
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Kế Toán Trưởng



TRINH THỊ THANH NHÀN

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này



ĐINH THỊ HỒNG VÂN

TP. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/03/2015</u>	<u>Đến 31/03/2014</u>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11,197,476,040	10,675,466,876
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,234,718,520	2,552,426,211
- các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	17,690
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,425,975,447)	(843,228,652)
- Chi phí Lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn			
3. Lưu động	08	11,006,219,113	12,384,682,125
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	27,077,136,037	25,456,986,181
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(6,943,100,500)	(5,983,736,409)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	6,724,243,317	(22,889,738,015)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(789,941,464)	(958,369,429)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền Lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6,181,840,976)	(6,199,846,561)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	295,769,000
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(4,720,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	30,892,715,527	(2,614,253,108)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2,398,830,371)	(1,768,331,632)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	895,454,545	363,636
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	2,093,519,627	842,865,016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	590,143,801	(925,102,980)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Đến 31/03/2015</u>	<u>Đến 31/03/2014</u>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,309,539,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,309,539,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	29,173,319,828	(3,539,356,088)
Tiền tồn đầu kỳ	60	101,151,672,245	83,721,906,105
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(17,690)
Tiền tồn cuối kỳ	70	130,324,992,073	80,182,532,327

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRỊNH THỊ THANH NHÂN

ĐINH THỊ HỒNG VÂN

LÊ VĂN CAM MỆNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý I - Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Công ty cổ phần Siêu Thanh bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô, thiết bị điện tử, hàng kim khí điện máy.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Số 6 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	55,06%	55,06%
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Số 161F Dạ Nam, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	58,23%	58,23%
Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	A20 đường Nguyễn Hữu Thọ, Tân Phong, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	90,00%	90,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT/BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Sở dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh đối với ô tô nguyên chiếc, bình quân gia quyền đối với thiết bị văn phòng, phụ tùng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

10. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán

Nguyên giá của phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định khác là toàn bộ các chi phí liên quan đến tài liệu hướng dẫn đại lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, phần mềm

Chi phí sửa chữa, phần mềm được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng

Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng Công ty đang sử dụng được trả trước một lần và được phân bổ theo thời hạn thuê là 10 năm (đến ngày 31/12/2022).

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hãng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

14. Trợ cấp thôi việc

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty cổ phần Siêu Thanh.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ và Nghị quyết đại hội cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn. Mục đích sử dụng các quỹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thăng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.405 VND/USD
31/03/2015 : 21.590 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	207.839.403	285.512.143
Tiền gửi ngân hàng	38.114.152.670	49.782.779.002
Các khoản tương đương tiền (*)	92.003.000.000	51.083.381.100
Cộng	<u>130.324.992.073</u>	<u>101.151.672.245</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

• Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 năm của Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh. Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng này cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á để đảm bảo cho việc Ngân hàng bảo lãnh cho Công ty thực hiện hợp đồng cung cấp xe cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý I		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	345.000.000	345.000.000	345.000.000	345.000.000
Tổng cộng	345.000.000	345.000.000	345.000.000	345.000.000

• Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối Quý I		Giá gốc	Số đầu năm	
		Dự Phòng	Giá trị hợp lý		Dự Phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Điện Cơ	1.580.800.000	-	3.380.800.000	3.380.800.000	-	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Tổng Cộng	8.080.800.000	-	8.080.800.000	8.080.800.000	-	8.080.800.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	2.717.550.006	14.056.084.602
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	4.963.153.862	8.658.592.410
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	8.829.146.697	13.846.989.965
Tại Công ty cổ phần thiết bị vận phòng Siêu Thanh	26.546.703.063	10.557.613.871
Cộng	43.056.553.628	47.119.280.848

4. Phải thu khác

• Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Công ty TNHH ô tô GM Việt Nam – phải thu tiền chiết khấu hàng hóa	1.733.005.454	3.320.454.546
Công ty Honda Việt Nam - tiền hỗ trợ bán hàng	138.000.000	720.000.000
Tạm ứng	3.018.813.285	2.198.590.955
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	794.410.219	346.495.922
Các khoản phải thu khác	207.384.293	132.312.371
Cộng	5.891.613.251	6.717.853.794

• Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Các khoản cho nhân viên mượn tiền	5.417.599.402	6.800.426.402
Cộng	5.417.599.402	6.800.426.402

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối quý I	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	29.745.119	29.745.119
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	147.319.834	147.319.834

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý I</u>		<u>Số đầu năm</u>			
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm		-		-		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên		74.804.293		74.804.293		
Cộng		251.869.246		251.869.246		
6. Hàng tồn kho		<u>Số cuối quý I</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Nguyên liệu, vật liệu		44.554.947		59.686.228		
Công cụ, dụng cụ		-		8.300.000		
Hàng hóa		104.279.790.616		97.827.978.335		
Cộng		104.324.345.563		97.895.964.563		
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		<u>Số cuối quý I</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		243.269.969		243.269.969		
Cộng		243.269.969		243.269.969		
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		<u>Số cuối quý I</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		99.329.167		99.329.167		
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa		5.958.737		5.958.737		
Cộng		105.287.904		105.287.904		
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.361.117.493	18.749.533.350	11.827.260.946	3.973.859.083	3.541.774.050	47.453.544.922
Mua sắm mới			2.398.830.371	-	-	2.398.830.371
Tăng từ hàng tồn kho chuyển qua làm tài sản chờ thuê	-	1.105.826.586	-	-	-	4.629.626.833
Thanh lý, nhượng bán		-	(3.008.481.794)	-	-	(9.975.127.804)
Giảm tài sản chờ thuê về nhập kho chờ bán	-	(657.055.086)	-	-	-	(2.179.100.706)
Số cuối quý I	9.361.117.493	19.198.304.850	11.217.609.523	3.973.859.083	3.541.774.050	47.292.664.999
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.826.166.693	11.996.352.045	3.417.474.462	3.813.126.869	3.439.130.349	26.492.250.418

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Khấu hao trong kỳ	81.529.242	781.410.121	609.922.701	144.204.299	83.024.904	1.700.091.267
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.845.483.068)	-	-	(1.845.483.068)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán	-	(65.948.000)	-	-	-	(65.948.000)
Số cuối quý I	3.907.695.935	12.711.814.166	2.181.914.095	3.957.331.168	33.522.155.253	26.280.910.617
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.534.950.800	6.753.181.305	8.409.786.484	160.732.214	102.643.701	20.961.294.504
Số cuối năm	5.453.421.558	6.486.490.684	9.035.695.428	16.527.915	19.618.797	21.011.754.382

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính, phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.290.340.860	160.436.500	73.185.987	158.510.000	13.682.473.347
Số cuối quý I	13.290.340.860	160.436.500	73.185.987	158.510.000	13.682.473.347
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	160.436.500	57.518.491	158.510.000	376.464.991
Khấu hao trong kỳ	-	-	2.611.251	-	2.611.251
Số cuối quý I	-	160.436.500	60.129.742	158.510.000	379.076.242
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.290.340.860	-	15.667.496	-	13.306.008.356
Số cuối quý I	13.290.340.860	-	13.056.245	-	13.303.397.105

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Số cuối quý I	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.225.708.000	4.819.708.345	8.045.416.345
Khấu hao trong kỳ	268.809.000	263.207.001	532.016.001
Số cuối quý I	3.494.517.000	5.082.915.346	8.577.432.346
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	46.235.292.000	21.500.991.633	67.736.283.633

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối quý I	<u>45.966.483.000</u>	<u>21.237.784.632</u>	<u>67.204.267.632</u>

12. Chi phí trả trước

• Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.692.626.422	440.379.272
Chi phí thuê nhà, văn phòng	173.400.000	548.091.934
Cộng	1.866.026.422	988.471.206

• Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	4.297.421.268	4.426.967.020
Chi phí phần mềm quản lý	329.515.000	188.160.000
Tiền thuê đất	3.082.142.091	3.181.565.091
Cộng	7.709.078.359	7.796.692.111

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	6.282.760	6.439.840
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	368.572.182	980.454.610
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	2.873.006.386	2.057.383.160
Tại Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	41.129.932.184	22.882.509.058
Cộng	44.377.793.512	25.926.786.668

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	2.389.459.508	1.214.329.783
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	1.787.530.122	1.727.815.945
Cộng	4.176.989.630	2.942.145.728

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối quý I</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.841.962.069	2.996.810.496	(4.773.129.653)	1.065.642.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	6.270.846.537	2.112.711.352	(6.181.840.976)	2.201.716.913
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	387.939.553	968.133.185	(1.024.449.595)	331.623.143
Các loại thuế khác	-	31.000.000	(31.000.000)	-
Cộng	9.500.748.159	6.108.655.033	(12.010.420.224)	3.598.982.968

^(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất 0%
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý I năm 2015 bao gồm:

Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	390.108.720
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	-
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	1.002.109.586
Tại Công ty cổ phần thiết bị văn phòng Siêu Thanh	720.493.046
Cộng	2.112.711.352

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Phải trả tiền lương tháng 03 năm 2015 cho cán bộ công nhân viên.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	510.977.118	115.693.421
Nhận ký quỹ, ký cược	1.915.341.379	2.039.646.411
Cổ tức phải trả	42.486.275	24.025.775
Phải trả khác	3.605.734.867	2.661.153.075
Cộng	6.074.539.639	4.840.518.682

18. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 26.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.801.385	13.801.385
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.801.385	13.801.385
- Cổ phiếu phổ thông	13.801.385	13.801.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	61.000	61.000
- Cổ phiếu phổ thông	61.000	61.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.740.385	13.740.385
- Cổ phiếu phổ thông	13.740.385	13.740.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Số đầu năm	47.541.102.584
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.020.682.538
Nhận vốn góp	-
Chia cổ tức	<u>(2.328.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>47.233.785.122</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Lãi tiền gửi	969.369.230	932.973.502
Lãi bán hàng trả chậm	6.759.300	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.190.940.000	-
Lãi khác	641.849	13.220
Cộng	<u>2.167.710.379</u>	<u>932.986.722</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	17.004.326.004	13.719.863.922
Chi phí công cụ dụng cụ	325.773.498	363.658.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	485.018.588	510.865.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.775.161	738.016.467
Chi phí khác	1.380.515.893	1.121.073.798
Cộng	<u>19.911.409.144</u>	<u>16.453.477.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	6.031.576.574	5.337.067.431
Chi phí công cụ dụng cụ	610.669.679	255.366.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.916.931	736.467.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.830.636.957	3.942.476.629
Chi phí khác	1.631.917.847	969.168.627
Cộng	13.715.717.988	11.240.546.649
7. Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.495.454.545	-
Tiền thưởng, tiền hỗ trợ	-	83.000.000
Thu nhập khác	464.513.552	326.371.129
Cộng	1.959.968.097	409.371.129
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.162.998.725	-
Chi phí khác	179.389.356	13.868.337
Cộng	1.342.388.081	13.868.337
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Quý I /2015</u>	<u>Quý I /2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.407.539.049	219.113.552.702
Chi phí nhân công	23.035.902.578	19.056.931.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.234.718.520	2.552.426.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.691.968.118	4.680.493.096
Chi phí khác	3.012.433.740	2.090.242.425
Cộng	281.382.562.005	247.493.645.787
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	7.064.082.149	6.777.535.668
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	7.064.082.149	6.777.535.668
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.740.385	12.491.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	514	543

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:


	<u>Quý I/2015</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.740.385	12.491.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	1.248.862
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.740.385	13.740.385

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Điều chỉnh lại số đầu năm trên bảng cân đối kế toán theo thông tư 200/2014/TT/BTC

STT	Tên khoản mục	Mã số	Số đầu năm trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số đầu năm sau khi điều chỉnh
1	Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	345.000.000	345.000.000
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	4.172.766.917	2.545.086.877	6.717.853.794
3	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	69.031.519	69.031.519
4	Tài sản ngắn hạn khác	155	2.614.118.396	(2.614.118.396)	-
5	Phải thu dài hạn khác	216	5.597.701.402	1.202.725.000	6.800.426.402
6	Tài sản dài hạn khác	268	1.202.725.000	(1.202.725.000)	-
7	Quý đầu tư phát triển	418	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2015


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Trương Cam Mừng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	125,525,230,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	3,880,961,542	12,552,523,000	116,948,033,373	35,669,126,514	294,942,303,589
Lợi nhuận trong kỳ						54,988,557,831	5,399,976,070	60,388,533,901
Chia cổ tức (CP)	12,488,620,000					(12,488,620,000)		-
Trích lập các Quỹ					1,248,862,000	(1,248,862,000)		-
Chia lợi nhuận						(26,231,908,000)	(2,328,000,000)	(28,559,908,000)
Nhận vốn góp							8,800,000,000	8,800,000,000
Giảm khác						-		-
Số dư tại 31/12/2014	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	3,880,961,542	13,801,385,000	131,967,201,204	47,541,102,584	335,570,929,490
Số dư tại 01/01/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	17,682,346,542	-	131,967,201,204	47,541,102,584	335,570,929,490
Lợi nhuận trong kỳ						7,064,082,149	2,020,682,539	9,084,764,688
Chia cổ tức (CP)						-		-
Trích lập các Quỹ						-		-
Chia lợi nhuận							(2,328,000,000)	(2,328,000,000)
Số dư tại 31/03/2015	138,013,850,000	2,572,620,000	(2,206,190,840)	17,682,346,542	-	139,031,283,355	47,233,785,123	342,327,694,178

